

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Ông Nguyễn Văn T , năm sinh 1977; Chức danh: Giám đốc. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/7/2023 của ông Lâm Thành T là Chủ Doanh nghiệp Tư nhân Thành Tiến L và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, có bà Phạm Thị Thu T là người đại diện theo ủy quyền trình bày: Tháng 8 năm 2020, Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Đầu tư Phát triển Q (viết tắt Công ty Q) và ông Lâm Thành T là Chủ Doanh nghiệp tư nhân Thành Tiến L (viết tắt ông T) ký hợp đồng số 08/2020/HĐMB. Theo thỏa thuận, ông T bán cho Công ty Q gạch đất sét nung loại đặc loại 1 với giá 1.380 đồng/viên và gạch thẻ 02 lỗ loại 1 với giá 1.180 đồng/viên, địa điểm giao hàng tại chân công trình số 200 đường P, phường M, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 24/2/2022, Công ty Q và ông T lập biên bản đối chiếu công nợ, theo đó hai bên xác nhận tổng giá trị hợp đồng là 1.716.668.460 đồng, tổng giá trị đã thanh toán là 1.369.493.800 đồng và tổng giá trị còn nợ là 347.174.660 đồng, tuy nhiên từ đó đến nay Công ty Q không thực hiện thanh toán số tiền trên cho ông T mặc dù ông Tiến đã nhiều lần liên hệ. Nay, ông T khởi kiện yêu cầu Công ty Q thanh toán số tiền còn nợ là 347.174.660 đồng và tiền lãi do chậm thanh toán từ ngày 24/02/2022 đến ngày xét xử theo lãi suất 10%/năm và thanh toán một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

* Bị đơn Công ty Q vắng mặt không lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án của Tòa án và cũng không có ý kiến bằng văn bản nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán thực hiện đúng quy định của pháp luật và tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự tố tụng quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào biên bản đối chiếu công nợ ngày 24/02/2022 giữa ông Tiến và Công ty Q thể hiện Công ty Q còn nợ ông T số tiền 347.174.660 đồng. Ông T khởi kiện yêu cầu Công ty Q thanh toán số tiền còn nợ và tiền lãi từ ngày 24/02/2022 đến ngày xét xử là có căn cứ, tuy nhiên tiền lãi mà ông T yêu cầu theo mức lãi suất 10%/năm theo quy định của Bộ luật dân sự là chưa phù hợp mà tiền lãi được áp dụng theo mức lãi suất trung bình của 03 liên ngân hàng công bố tại thời điểm thanh toán. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo lập luận trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ hợp đồng mua bán số 08/2020-HĐMB cũng như biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ giữa ông T và Công ty Q. Ông Tiến khởi kiện yêu cầu Công ty Q thanh toán số tiền còn nợ, do đó quan hệ tranh chấp trong vụ án được xác định là “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Công ty Q có địa chỉ trụ sở chính tại quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình.

[1.2] Xét Công ty Q đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án; giấy triệu tập đương sự; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa nhưng Công ty Q vẫn vắng mặt không lý do và không có ý kiến phản hồi. Vì vậy, Hội đồng xét xử xử vắng mặt Công ty Q là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Xét hợp đồng mua bán hàng hóa số 08/2020-HĐMB giữa ông T và Công ty Q thể hiện tại thời điểm giao kết các chủ thể có đầy đủ năng lực pháp luật, trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, không trái pháp luật về hình thức và nội dung của hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật được quy định tại Điều 398, Điều 399, Điều 400, Điều 401, Điều 430, Điều 431, Điều 432, Điều 433, Điều 434, Điều 435, Điều 436 và Điều 440 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[2.2] Về yêu cầu thanh toán số tiền còn nợ: Căn cứ hợp đồng mua bán hàng hóa số 08/2020-HĐMB giữa ông T và Công ty Q thì ông T bán cho Công ty Q gạch đất sét nung loại đặc loại 1 với giá 1.380 đồng/viên và gạch thẻ 02 lỗ loại 1 với giá 1.180 đồng/viên, địa điểm giao hàng tại chân công trình số 200 đường P, phường M, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh và ông Tiến đã giao hàng đúng thỏa thuận. Ngày 24/2/2022, Công ty Q và ông T lập biên bản đối chiếu công nợ, theo đó hai bên xác nhận tổng giá trị hợp đồng là 1.716.668.460 đồng, tổng giá trị đã thanh toán là 1.369.493.800 đồng và tổng giá trị còn nợ là 347.174.660 đồng, tuy nhiên từ đó đến nay Công ty Q không thực hiện thanh toán số tiền trên cho ông T. Trong quá trình giải quyết vụ án, Công ty Q không có ý kiến cũng như không cung cấp các tài liệu, chứng cứ để phản bác lại yêu cầu khởi kiện của ông T. Do đó, ông T khởi kiện yêu cầu Công ty Q thanh toán số tiền 347.174.660 đồng là có căn cứ.

[2.3] Về yêu cầu thanh toán tiền lãi: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện, khi hai bên giao kết hợp đồng, không quy định hay

thỏa thuận trường hợp Công ty Q chậm thanh toán cho ông T thì phải thanh toán tiền lãi và tiền lãi do chậm thanh toán là bao nhiêu. Tuy nhiên, theo Điều 306 Luật Thương mại năm 2005 quy định “Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả theo lãi suất quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác”. Do Công ty Q chậm thanh toán số tiền 347.174.660 đồng nên phải thanh toán tiền lãi trên số tiền phải trả và lãi suất chậm thanh toán được xác định là mức lãi suất quá hạn trung bình của ít nhất ba ngân hàng tại địa phương. Theo biểu lãi suất ngày 14/3/2024 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank) - Chi nhánh Trường Sơn cung cấp về lãi suất có kỳ hạn trên 12 tháng là 7,0%/năm; Biểu lãi suất khách hàng doanh nghiệp năm 2024 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam (Viettinbank) - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh là 6,8%/năm đến 9,0%/năm và Biểu lãi suất ngày 10/11/2023 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank) - Chi nhánh Tân Sơn Nhất là 10,50%/năm. Lãi suất trung bình của 03 Ngân hàng trên là: $(7,0\% + 7,9\% + 10,50\%)/3 = 8,46\%/năm$ và lãi suất quá hạn theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 bằng 150%/ mức lãi suất trung bình của ba Ngân hàng là 8,46% được tính như sau: $150\% \times 8,46\%/năm = 12,69\%/năm$ (tương đương 1,05%/tháng). Thời gian chậm thanh toán được tính từ ngày 25/2/2022 đến ngày 24/4/2024 là 26 tháng. Tiền lãi được tính như sau: $347.174.660 \text{ đồng} \times 8,46\%/năm/365 \text{ ngày (tương đương 1,05\%/tháng)} \times 26 \text{ tháng} = 94.788.682 \text{ đồng}$.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Tiến buộc Công ty Q thanh toán tiền mua hàng còn nợ là 347.174.660 đồng và tiền nợ lãi do chậm thanh toán là 94.778.682 đồng, tổng số tiền là 441.953.342 đồng.

[2.4] Xét Công ty Q vi phạm nghĩa vụ thanh toán làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Tiến, thời gian vi phạm đã lâu nên ông Tiến yêu cầu Công ty Q thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ.

[2.5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[2.7] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Như đã nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, buộc Công ty Q thanh toán 441.953.342 đồng nên Công ty Q phải chịu án phí trên số phải thanh toán. Án phí mà Công ty Q phải chịu là 21.678.134 đồng theo khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông T được hoàn lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, khoản 4 Điều 91, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 398, Điều 399, Điều 400, Điều 401, Điều 430, Điều 431, Điều 432, Điều 433, Điều 434, Điều 435, Điều 436, Điều 440 và điểm b khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 306 Luật Thương mại năm 2005;

Áp dụng Luật phí, Lệ phí;

Áp dụng Luật Thi hành án dân sự;

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 24 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lâm Thành T là Chủ Doanh nghiệp tư nhân Thành Tiến L.

- Buộc Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Đầu tư Phát triển Q thanh toán cho ông Lâm Thành T là Chủ Doanh nghiệp tư nhân Thành Tiến L số tiền 441.953.342 (Bốn trăm bốn mươi một triệu chín trăm năm mươi ba nghìn ba trăm bốn mươi hai) đồng, bao gồm: tiền nợ vốn 347.174.660 (Ba trăm bốn mươi bảy triệu một trăm bảy mươi bốn nghìn sáu trăm sáu mươi) đồng và tiền lãi 94.778.682 (Chín mươi bốn triệu bảy trăm bảy mươi tám nghìn sáu trăm tám mươi hai) đồng. Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của ông Lâm Thành T là Chủ Doanh nghiệp tư nhân Thành Tiến L nếu Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Đầu tư Phát triển Q chưa thanh toán xong các khoản nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm thanh toán, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Hoàn lại cho ông Lâm Thành T là Chủ Doanh nghiệp tư nhân Thành Tiến L số tiền 10.081.085 (Mười triệu không trăm tám mươi một nghìn không trăm tám mươi lăm) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí Tòa án số AA/2023/0023635 ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Đầu tư Phát triển Q phải chịu án phí 21.678.134 (Hai mươi một triệu sáu trăm bảy mươi tám nghìn một trăm ba mươi bốn) đồng.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

- Ông Lâm Thành T là Chủ Doanh nghiệp tư nhân Thành Tiến L được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Đầu tư Phát triển Q được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án hợp lệ.

- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
- Chi cục THA dân sự quận Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHAN - CHỦ TỌA PHIÊN TOA**

Võ Tuấn Nhu

